

Q326A080255
(TPTN26014380.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/07/2026
Trang/ Page: 1/5

- Tên mẫu : **TRÀ ĐEN NGUYỄN LÁ LENVIA**
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Xem hình kèm theo
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 03/07/2026
- Thời gian thử nghiệm : 03/07/2026 - 20/07/2026
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH NGUYỄN LIỆU PHA CHẾ LÊN HƯƠNG**
82/2 Nguyễn Xí, Phường Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Ngô Quốc Việt

Q326A080255
(TPTN26014380.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

20/07/2026

Trang/ Page: 2/5

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Bacillus cereus giả định	CFU/g	ISO 7932:2004/Amd 1:2020	$2,0 \times 10^2$	-
7.2	Clostridium perfringens	CFU/g	TCVN 4991:2005	$< 10^{(a)}$	-
7.3	Coliforms	CFU/g	ISO 4832:2006	$< 10^{(a)}$	-
7.4	Escherichia coli	CFU/g	ISO 16649-2:2001	$< 10^{(a)}$	-
7.5	Salmonella spp.	/25g	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020	KPH	-
7.6	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	ISO 21527-2:2008	$3,6 \times 10^3$	-
7.7	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022	$1,5 \times 10^4$	-
7.8	Hàm lượng arsen tổng (As)	mg/kg	TCVN 8427:2010 (HG-AAS)	$< 0,03$ (LOQ)	0,01
7.9	Hàm lượng cadimi (Cd)	mg/kg	QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11) (ICP-OES)	KPH	0,03
7.10	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11) (ICP-OES)	0,19	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A080255
(TPTN26014380.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

20/07/2026

Trang/ Page: 3/5

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.11	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	QUATEST3 1095:2023 (Ref: AOAC 971.21) (CV-AAS)	KPH	0,015
7.12	Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật				
7.12.1	Bifenthrin	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,05
7.12.2	Buprofezin	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,0025
7.12.3	Chlorpyrifos (chlorpyrifos ethyl, Clorpyrifos –ethyl)	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,0025
7.12.4	Clothianidin	mg/kg	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	KPH	0,005
7.12.5	Cypermethrin (bao gồm alpha và zeta-Cypermethrin)	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,05
7.12.6	Deltamethrin	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,05
7.12.7	Dicofol	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,005
7.12.8	Endosulfan (Alpha endosulfan + Beta endosulfan + Endosulfan sulfate)	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,01
7.12.9	Etoxazole	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,005
7.12.10	Fenpropathrin	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,0025
7.12.11	Flubendiamide	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,005

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A080255
(TPTN26014380.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/07/2026

Trang/ Page: 4/5

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.12.12	Flufenoxuron	mg/kg	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	KPH	0,005
7.12.13	Hexythiazox	mg/kg	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	KPH	0,025
7.12.14	Indoxacarb	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,005
7.12.15	Methidathion	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,0025
7.12.16	Paraquat	mg/kg	QUATEST3 1184:2023 (Ref: EN 15662:2018)	KPH	0,0025
7.12.17	Permethrin	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,05
7.12.18	Profenofos	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,005
7.12.19	Propargite (Propargit)	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,01
7.12.20	Thiamethoxam	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,005
7.12.21	Tolfenpyrad	mg/kg	EN 15662:2018	KPH	0,025

Ghi chú:

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện
- (a): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị “< 1 CFU/ mL” hoặc “< 10 CFU/ g” khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc
- AOAC: Association of Official Analytical Chemists

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A080255
(TPTN26014380.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

20/07/2026

Trang/ Page: 5/5



QUATEST 3®

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*